

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /2026/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 29 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 11/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Căn cứ Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về thành lập, quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 703/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án khởi

nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 235/BC-BVHXXH ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết khoản 3 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, thẩm định, phê duyệt và giám sát hỗ trợ.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp và phù hợp với điều kiện của địa phương.

2. Trường hợp một dự án đồng thời thuộc diện ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách khác nhau từ ngân sách nhà nước thì chỉ được lựa chọn một chính sách hỗ trợ có mức hỗ trợ cao nhất cho cùng một nội dung chi, bảo đảm không trùng lặp và không vượt quá định mức theo quy định.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được nhận chính sách hỗ trợ kinh phí trước đầu tư đối với các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật số 71/2025/QH15.

4. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được thực hiện thông qua dự toán ngân sách nhà nước giao cho sở Khoa học và Công nghệ để triển khai chính sách.

5. Tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân không thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí phải thu hồi từ các chương trình, nhiệm vụ, dự án sử dụng ngân sách nhà nước theo quyết định hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền;

b) Đang bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuế, bảo hiểm xã hội, lao động, môi trường;

c) Đang bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; đang bị đình chỉ hoặc tạm đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật;

d) Có nợ nghĩa vụ tài chính quá hạn đối với ngân sách nhà nước trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn, giãn hoặc hoãn thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tiêu chí hỗ trợ

Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương;

2. Có mục tiêu, nội dung dự án rõ ràng, gắn với các nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này;

3. Có sử dụng công nghệ số làm nền tảng nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới có khả năng tăng trưởng nhanh về doanh thu hoặc quy mô thị trường, dựa trên việc khai thác công nghệ số, dữ liệu số hoặc giải quyết vấn đề xã hội, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững khi ứng dụng công nghiệp công nghệ số.

4. Đội ngũ nhân sự thực hiện dự án có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, công nghệ số. Có đội ngũ chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo hoặc đối tác hỗ trợ về công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

1. Cam kết triển khai dự án và duy trì hoạt động tại tỉnh Lào Cai tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.

2. Điều kiện hỗ trợ đối với nội dung đào tạo phát triển nguồn nhân lực

a) Có kế hoạch đào tạo cụ thể, xác định rõ mục tiêu, nội dung, thời gian, đối tượng đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo;

b) Đối tượng tham gia đào tạo là nhân sự của dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc nhân lực dự kiến sử dụng cho dự án.

3. Điều kiện hỗ trợ đối với nội dung thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số

a) Có phương án thu hút, sử dụng và giữ chân nhân lực chất lượng cao, xác định rõ vị trí việc làm, yêu cầu chuyên môn và vai trò của nhân lực đối với dự án;

b) Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số mà dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số thu hút cần đáp ứng các tiêu chí cụ thể quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9 và 10 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

c) Có cam kết làm việc, gắn bó với dự án và địa phương trong thời gian tối thiểu từ 24 tháng trở lên hoặc hết thời gian thực hiện dự án được phê duyệt.

4. Điều kiện hỗ trợ đối với nội dung nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm.

a) Có hoạt động nghiên cứu, phát triển hoặc sản xuất thử nghiệm, xác định rõ mục tiêu, nội dung, sản phẩm đầu ra và lộ trình thực hiện;

b) Nội dung nghiên cứu, thử nghiệm có tính mới, tính sáng tạo, khả năng ứng dụng hoặc thương mại hóa;

c) Có đủ nhân lực, cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật để thực hiện.

5. Điều kiện hỗ trợ đối với nội dung tư vấn khởi nghiệp

a) Có nhu cầu tư vấn rõ ràng, phù hợp với giai đoạn phát triển của dự án khởi nghiệp;

b) Nội dung cần được tư vấn phục vụ trực tiếp cho việc hoàn thiện mô hình kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ, tài chính, pháp lý hoặc phát triển thị trường;

c) Hoạt động tư vấn do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện;

6. Điều kiện hỗ trợ đối với nội dung mua công nghệ và đổi mới công nghệ

a) Có phương án mua, tiếp nhận hoặc đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án;

b) Công nghệ mua sắm hoặc đổi mới là công nghệ phù hợp, tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc năng lực cạnh tranh;

c) Có tài liệu chứng minh nguồn gốc, tính hợp pháp và hiệu quả của công nghệ.

7. Ngoài những điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này, trường hợp các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh phải đáp ứng các quy định khác của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Hồ sơ chung cho các nội dung hỗ trợ, gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 01 và bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ mẫu số 02 ban hành kèm Nghị quyết này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp);

2. Hồ sơ cụ thể đối với từng nội dung hỗ trợ, gồm:

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với nội dung đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số gồm:

Kế hoạch đào tạo, trong đó nêu rõ mục tiêu, nội dung, thời gian, hình thức đào tạo, đối tượng tham gia và kết quả dự kiến;

Danh sách học viên tham gia đào tạo hoặc dự kiến tham gia đào tạo;

Tài liệu giới thiệu đơn vị đào tạo hoặc giảng viên (nếu thuê ngoài);

Dự toán kinh phí đào tạo và mức kinh phí đề nghị hỗ trợ.

b) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với nội dung thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số gồm:

Hồ sơ chuyên môn của nhân lực được thu hút (bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm);

Hợp đồng lao động, thỏa thuận làm việc hoặc cam kết làm việc tại địa phương trong thời gian theo quy định;

Dự toán kinh phí hỗ trợ và thời gian đề nghị hỗ trợ.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với nội dung nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm gồm:

Kế hoạch triển khai, tiến độ thực hiện và phương án tổ chức thực hiện;

Tài liệu chứng minh năng lực nghiên cứu, phát triển của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân chủ trì;

Dự toán kinh phí thực hiện và mức kinh phí đề nghị hỗ trợ.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với nội dung tư vấn khởi nghiệp gồm:

Thông tin về tổ chức, cá nhân tư vấn (năng lực, kinh nghiệm);

Hợp đồng tư vấn hoặc dự kiến hợp đồng tư vấn;

Dự toán chi phí tư vấn và mức kinh phí đề nghị hỗ trợ.

đ) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với nội dung mua công nghệ và đổi mới công nghệ gồm:

Tài liệu chứng minh tính hợp pháp của công nghệ (báo giá, hợp đồng nguyên tắc, tài liệu kỹ thuật).

Dự toán kinh phí thực hiện và mức kinh phí đề nghị hỗ trợ.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề nghị hỗ trợ có trách nhiệm cung cấp cam kết hoặc tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện tại Điều này; đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 6. Thành lập và hoạt động của Hội đồng thẩm định dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số tỉnh Lào Cai

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số tỉnh Lào Cai (sau đây gọi tắt là Hội đồng) và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

2. Thành viên của Hội đồng gồm:

a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng;

b) Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: Phó Chủ tịch Hội đồng;

c) Lãnh đạo Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan: Thành viên Hội đồng;

d) Thư ký Hội đồng do cơ quan Thường trực của Hội đồng chỉ định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan Thường trực của Hội đồng.

4. Tùy thuộc vào tính chất của từng dự án được thẩm định, cơ quan Thường trực của Hội đồng có thể mời các chuyên gia kỹ thuật thuộc lĩnh vực có liên quan làm thành viên của Hội đồng hoặc mời các chuyên gia kỹ thuật trong lĩnh vực này thực hiện việc nghiên cứu hồ sơ dự án để tư vấn cho việc thẩm định của Hội đồng.

5. Kinh phí chi cho thành viên Hội đồng, chuyên gia kỹ thuật tham gia tư vấn thẩm định cho Hội đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Trình tự, thủ tục xét duyệt hồ trợ

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cách thức nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đề cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bổ sung, hoàn thiện.

2. Tổ chức thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định.

b) Sau khi kết thúc thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện, cơ quan Thường trực của Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ dự án trong vòng 10 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được biết.

3. Xem xét và quyết định hỗ trợ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt kinh phí hỗ trợ dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ dự án.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ dự án có hiệu lực, cơ quan, tổ chức hỗ trợ dự án phải thực hiện việc giải ngân cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện dự án theo quy định.

5. Trường hợp thành phần hồ sơ quy định tại Điều 5 Nghị quyết này đã được tích hợp, chia sẻ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác, sử dụng theo quy định và không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại.

6. Thời gian xét duyệt hỗ trợ tối đa là 28 ngày kể từ ngày tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chi phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số: Hỗ trợ 50% chi phí khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ số, kỹ năng quản trị doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cho nhân lực của dự án nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

2. Chi phí thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số: Hỗ trợ 50% chi phí thu hút nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số tham gia trực tiếp vào dự án nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

3. Chi phí nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm: Hỗ trợ 70% chi phí nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm, thực hiện thử nghiệm nhưng không quá 2 tỷ đồng/dự án.

4. Chi phí tư vấn khởi nghiệp: Hỗ trợ 80% chi phí tư vấn bao gồm tư vấn mô hình kinh doanh, thị trường, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính và quản trị doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/dự án.

5. Chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 50% chi phí mua bản quyền phần mềm, giải pháp công nghệ, bằng sáng chế phục vụ trực tiếp cho hoạt động của dự án nhưng không quá 1 tỷ đồng/dự án.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp:

a) Nguồn ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các nguồn chi hợp pháp khác theo quy định;

b) Nguồn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Các Quỹ tài chính nhà nước theo quy định của pháp luật bao gồm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và các Quỹ tài chính hợp pháp khác.

2. Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Giám sát, kiểm tra và đánh giá

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được hỗ trợ phải báo cáo định kỳ 06 tháng/lần về tiến độ thực hiện dự án và báo cáo tổng kết hằng năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.

3. Việc công khai, báo cáo, quyết toán kinh phí thực hiện chương trình, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 11. Hoàn trả kinh phí

1. Trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nhận hỗ trợ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng cam kết đối với từng nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt thì phải hoàn trả phần kinh phí hỗ trợ tương ứng với nội dung vi phạm.

2. Việc thu hồi kinh phí hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở kết luận của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra hoặc kiểm toán theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng cam kết do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng theo quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận thì được xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Thẩm quyền quyết định thu hồi kinh phí, trình tự, thủ tục thu hồi và xử lý số kinh phí thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; Khoa học và công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH. *He*

CHỦ TỊCH



Hoàng Giang

PHỤ LỤC
BIỂU MẪU KÈM THEO NGHỊ QUYẾT
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **13**/2026/NQ-HĐND ngày **29** tháng **6** năm
2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

MẪU SỐ 01: ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO
TRONG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền):
4. Điện thoại/Email liên hệ:
5. Tên dự án/hoạt động đề nghị hỗ trợ:
6. Loại hình hỗ trợ đề nghị (Đánh dấu X vào ô phù hợp):
 - ☐ Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số
 - ☐ Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số
 - ☐ Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm
 - ☐ Tư vấn khởi nghiệp
 - ☐ Mua công nghệ và đổi mới công nghệ
7. Tổng vốn đầu tư: đồng
8. Mức hỗ trợ đề nghị: đồng
9. Căn cứ pháp lý và nội dung đề nghị:
10. Cam kết tương ứng với các loại hình đề nghị hỗ trợ (Đánh dấu X vào ô phù hợp)
 - ☐ Cam kết sử dụng kinh phí đúng mục đích và phục vụ trực tiếp cho dự án.

- ☐ Cam kết không sử dụng kinh phí hỗ trợ trùng lặp với chính sách khác.
- ☐ Cam kết về khả năng ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu (nếu có).
- ☐ Cam kết sử dụng kết quả tư vấn phục vụ trực tiếp cho hoạt động khởi nghiệp.
- ☐ Cam kết sử dụng công nghệ đúng mục đích và tuân thủ quy định pháp luật liên quan.

Thông tin kê khai là trung thực, chính xác;

Thực hiện đúng các quy định của pháp luật;

Sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả.

Người làm đơn

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

MẪU SỐ 02: BẢN THUYẾT MINH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên tổ chức/cá nhân thực hiện dự án:
2. Tên dự án:
3. Địa điểm thực hiện:
4. Loại hình dự án (Đánh dấu X và ô phù hợp theo khoản 2, Điều 2):
 - ☐ Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số
 - ☐ Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số
 - ☐ Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm
 - ☐ Tư vấn khởi nghiệp
 - ☐ Mua công nghệ và đổi mới công nghệ

II. NỘI DUNG GIẢI TRÌNH CHI TIẾT

1. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số
 - a. Tên khóa đào tạo:
 - b. Nội dung đào tạo (Đánh dấu X vào mục phù hợp):
 - ☐ Quản trị doanh nghiệp; ☐ Phát triển sản phẩm; ☐ Marketing số; ☐ Sở hữu trí tuệ
 - c. Đơn vị tổ chức đào tạo:
 - d. Sự cần thiết của khóa học:

(Giải trình khóa học này giúp ích gì trực tiếp cho nội dung dự án khởi nghiệp đang triển khai)
2. Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số
 - a. Phương án thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao *(giải trình cụ thể vai trò của từng nhân lực được thu hút đối với mục tiêu, nội dung và kết quả của dự án)*
 - b. Thông tin nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số *(cung cấp đầy đủ hồ sơ gồm văn bằng, chứng chỉ chuyên ngành, kinh nghiệm công tác và các tài liệu liên quan chứng minh năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu về trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số)*
 - c. Số tiền đề nghị hỗ trợ:
3. Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm
 - a. Mô tả sản phẩm/dịch vụ nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm *(giải*

trình rõ yếu tố công nghệ tạo nên sự khác biệt, tính mới của sản phẩm)

b. Mô tả tạo doanh thu của sản phẩm/dịch vụ: *(bán sản phẩm, thu phí thuê bao, phí dịch vụ...)*

c. Giai đoạn phát triển của sản phẩm/dịch vụ: (Đánh dấu X vào mục phù hợp)

☐ Giai đoạn thử nghiệm: Đã hoàn thành nghiên cứu, đang chạy thử nghiệm nội bộ hoặc nhóm nhỏ khách hàng

☐ Giai đoạn thương mại hóa: Đã có sản phẩm hoàn thiện, bắt đầu bán ra thị trường

d. Mô tả tiềm năng tăng trưởng và giải quyết vấn đề thực tiễn *(dự án giải quyết vấn đề gì của tỉnh Lào cai hoặc thị trường, ví dụ: Chuyển đổi số trong giáo dục, du lịch, nông nghiệp, xuất nhập khẩu...; dự kiến doanh thu trong 03 năm triển khai dự án)*

4. Tư vấn khởi nghiệp

a. Nội dung tư vấn: (Đánh dấu X vào mục phù hợp)

☐ Tư vấn hỗ trợ công nghệ

☐ Tư vấn pháp lý

☐ Tư vấn tài chính, kế toán

☐ Tư vấn đăng ký sở hữu trí tuệ

b. Đơn vị tư vấn:

c. Số tiền đề nghị hỗ trợ:

5. Mua công nghệ và đổi mới công nghệ

a. Nội dung đề nghị:

b. Phương án mua, tiếp nhận hoặc đổi mới công nghệ *(giải trình rõ tên công nghệ, nguồn gốc, tính năng kỹ thuật và mục đích sử dụng, phân tích hiệu quả của việc mua, đổi mới công nghệ đối với dự án)*

b. Tổng chi phí thực tế:

c. Số tiền đề nghị hỗ trợ:

III. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Cam kết triển khai dự án và duy trì hoạt động tại tỉnh Lào Cai tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.

2. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ và chứng từ liên quan.

....., ngày tháng.....năm 20...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)